

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
BAN QUẢN LÝ TRUNG ƯƠNG CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI**



VĂN KIẾN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT

**CHUẨN BỊ DỰ ÁN NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NƯỚC CHO
CÁC TỈNH BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI HẠN HÁN (WEIDAP/ADB8)**

Cơ quan chủ quản dự án: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ dự án: Ban Quản lý Trung ương các Dự án Thủy lợi

Hà Nội – 11/2016

CÁC TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng phát triển Châu Á
WEIDAP/ADB8	Dự án “Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán”
Bộ NN&PTNT/MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Bộ KH&ĐT/MPI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
BĐKH	Biến đổi khí hậu
CPO	Ban Quản lý Trung ương các Dự án Thủy lợi
DAĐT	Dự án Đầu tư
MONRE	Bộ Tài Nguyên – Môi trường
NCKT, FS	Báo cáo nghiên cứu khả thi
ODA	Nguồn vốn hỗ trợ Phát triển chính thức
VNĐ	Đồng Việt Nam
USD	Đồng đô la Mỹ
UBND	Ủy ban nhân dân
WB	Ngân hàng Thế giới
PPTA/HTKT	Hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án
GMS1	Dự án Quản lý và giảm nhẹ rủi ro lũ lụt và hạn hán tiểu vùng sông Mekong mở rộng
VWRAP/WB3	Dự án Hỗ trợ Thủy lợi Việt Nam
ADB6	Phát triển hệ thống tưới Bắc sông Chu – Nam sông Mã
JICA	Tổ chức hợp tác quốc tế Nhật Bản
PIM	Quản lý tưới có sự tham gia

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN	4
1. Tên dự án	4
2. Tên nhà tài trợ.....	4
3. Cơ quan chủ quản	4
4. Chủ dự án.....	4
5. Thời gian dự kiến thực hiện dự án.....	4
6. Địa điểm thực hiện dự án.....	4
II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN	4
1. Bối cảnh của dự án	4
2. Các dự án Hỗ trợ kỹ thuật khác và các biện pháp đã được thực hiện	10
3. Sự cần thiết của dự án.....	14
III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ	17
1. Tính phù hợp của dự án vốn vay với định hướng của nhà tài trợ	17
2. Các điều kiện cung cấp vốn ODA của ADB và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.....	18
IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN.....	19
1. Mục tiêu tổng thể và dài hạn	19
2. Mục tiêu cụ thể trước mắt.....	19
V. MÔ TẢ DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT	20
VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG	22
VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN.....	22
1. Các nội dung hành động trước.....	22
2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên ...	23
3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án	23
VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN	24
IX. TỔNG VỐN DỰ ÁN.....	25
X. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI DỰ ÁN	28

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án

Tên tiếng Việt: Dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư “Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán” (ADB8).

Tên tiếng Anh: PPTA for Water Efficiency Improvement in Drought Affected Provinces (WEIDAP).

2. Tên nhà tài trợ

Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

3. Cơ quan chủ quản

Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn

Địa chỉ liên lạc: Số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: (04) 38468160

Fax: (04) 38454319

4. Chủ dự án

Cơ quan chủ dự án: Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi

Địa chỉ liên lạc: 23 Hàng Tre, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: (04) 38253921

Số Fax: (04) 38242372

5. Thời gian dự kiến thực hiện dự án

Dự kiến 2 năm, từ 9/2016 đến 9/2018

6. Địa điểm thực hiện dự án

Bộ Nông nghiệp và PTNT và các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Nông và Đắk Lắk.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Bối cảnh của dự án

Bối cảnh chung

Sau gần 30 năm đổi mới, nông nghiệp, nông thôn Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, góp phần quan trọng và tạo đà cho phát triển kinh tế của đất nước. Nông nghiệp đóng một vai trò quan trọng từ việc xóa đói giảm nghèo đến đảm bảo an ninh lương thực cho quốc gia, trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới góp phần đảm bảo an ninh lương thực toàn cầu. Giá trị sản xuất

và giá trị gia tăng trong nông nghiệp đã tăng liên tục trong một thời gian dài. Sự tăng trưởng của ngành không chỉ tác động trực tiếp đến thu nhập và đời sống hộ gia đình, mà còn kích thích tăng trưởng các ngành dịch vụ, công nghiệp và thương mại khác thông qua liên kết cả cung và cầu, từ đó nâng cao nguồn thu và thúc đẩy sự phát triển ở vùng nông thôn. Tuy nhiên, tăng trưởng nông nghiệp trong thời gian qua chủ yếu theo chiều rộng thông qua tăng diện tích, tăng vụ và dựa trên mức độ sử dụng các yếu tố vật chất đầu vào cho sản xuất (lao động, vốn, vật tư) và nguồn lực tự nhiên cao. Với mô hình tăng trưởng nông nghiệp như hiện nay chỉ tạo ra được khối lượng nhiều và rẻ nhưng giá trị thấp, hiệu quả sử dụng đất đai, tài nguyên chưa cao. Mặt khác, gần đây sản xuất nông nghiệp đã và đang có dấu hiệu gây tác động tiêu cực đến môi trường như làm giảm đa dạng sinh học, suy thoái tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm nguồn nước, tăng chi phí sản xuất và đe dọa tính bền vững của tăng trưởng. Sau khi phấn đấu và đạt được tăng trưởng về mặt ‘lượng’, việc đảm bảo chất lượng và sự bền vững của tăng trưởng nông nghiệp Việt Nam hiện được đặt ra như là một nhu cầu tất yếu của quá trình phát triển.

Theo nhiều dự báo, trong tương lai, nông nghiệp sẽ phải cạnh tranh nguồn lực cho tăng trưởng với các ngành công nghiệp và dịch vụ khác. Chi phí sản xuất nhiều loại sản phẩm ngày càng cao cũng bắt đầu làm giảm khả năng cạnh tranh của nông nghiệp Việt Nam với vị thế nhà sản xuất “chi phí thấp” trên trường quốc tế. Nông nghiệp sẽ phải nâng cao vị thế cạnh tranh trên cơ sở nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và an toàn vệ sinh thực phẩm trên cơ sở điều chỉnh cơ cấu, tổ chức và nâng cao trình độ công nghệ sản xuất. Điều này có thể đạt được thông qua tận dụng tiềm năng và cơ hội để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, tăng giá trị gia tăng hàng nông sản, đồng thời giảm tác động tiêu cực đến môi trường. Với cơ cấu phát triển kinh tế hiện nay cùng với các tác động khách quan, đã xuất hiện một số quan ngại về việc tái nghèo và khả năng Việt Nam sẽ rơi vào bẫy thu nhập trung bình thấp sau các nỗ lực vượt qua ngưỡng thu nhập thấp. Lĩnh vực nông nghiệp - ngành tạo công ăn việc làm cho gần 60% lực lượng lao động và nông thôn - nơi hơn 70% dân số sinh sống hiện có yếu thế hơn cả và là ngành kinh tế đáng quan ngại hơn cả.

Việt Nam hiện có hệ thống thủy lợi tương đối phát triển, góp phần quan trọng để tăng diện tích gieo trồng, tăng thời vụ, cải tạo đất, góp phần đảm bảo an ninh lương thực và xuất khẩu. Đến 2014, trên cả nước đã xây dựng được hàng ngàn hệ thống công trình thủy lợi, gồm: 6.648 hồ chứa các loại, khoảng 10.000 trạm bơm điện lớn, 5.500 cống tưới tiêu lớn, 234.000 km kênh mương, 25.960 km đê các loại. Theo thống kê năm 2014, tổng diện tích gieo trồng đất lúa có tưới đạt trên 7,8 triệu ha, góp phần đưa sản xuất lương thực tăng nhanh và ổn định. Ngoài ra, các hệ thống thủy lợi còn tưới cho 1,5 triệu ha rau màu, cây công nghiệp; tạo nguồn nước cho 1,3 triệu ha đất gieo trồng; cung cấp khoảng 6 tỷ m³ nước phục vụ sinh hoạt và công nghiệp; ngăn mặn cho 0,87 triệu ha; cải tạo chua phèn 1,6 triệu ha và tiêu nước cho trên 1,72 triệu ha đất nông nghiệp. Các

hệ thống công trình thủy lợi đã hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển đa dạng hóa cây trồng, chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp.

Tuy nhiên hệ thống thủy lợi vẫn còn tồn tại một số vấn đề: (1) Hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi còn chưa cao: Mặc dù được đầu tư lớn nhưng công tác quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi còn bộc lộ nhiều hạn chế, như: Hiệu quả quản lý thấp; bộ máy tổ chức công kênh; đội ngũ cán bộ, nhân viên có xu hướng tăng; năng suất lao động thấp, chất lượng quản trị không cao, công trình xuống cấp nhanh, vi phạm công trình thủy lợi tăng và chưa được giải quyết; một số nơi người dân sử dụng nước lãng phí. (2) Thủy lợi chưa đáp ứng được yêu cầu của nền nông nghiệp đa dạng và hiện đại: Hệ thống công trình thủy lợi chủ yếu tập trung cung cấp nước cho cây lúa, phần lớn các cây trồng cạn chưa có tưới hoặc tưới bằng các biện pháp lạc hậu và lãng phí nước, diện tích được áp dụng các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước còn hạn chế.

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới¹ năm 2013, hơn 50% hệ thống tưới tiêu của Việt Nam đang bị xuống cấp và/hoặc chưa phát huy hết năng lực thiết kế. Ở nhiều nơi, hiệu quả công trình còn bị hạn chế do không được đầu tư đầy đủ và đồng bộ theo thiết kế, thiếu hệ thống kênh nội đồng, hoặc các công trình cũ được thiết kế với các tiêu chuẩn thấp, kênh mương và các hạ tầng khác xuống cấp, việc lập và thực hiện quy hoạch chưa theo kịp với thực tế. Công tác quản lý, khai thác của các công ty thủy nông còn có những bất cập và quản lý dịch vụ tưới tiêu chưa hướng tới nhu cầu và sự tham gia từ phía nông dân/người dùng nước dẫn đến hiệu quả chưa cao, thiếu linh hoạt và kém bền vững. Công tác bảo dưỡng do thiếu kinh phí, cùng các tác động của thiên tai làm cho hệ thống công trình nhanh xuống cấp, ảnh hưởng đến cung cấp dịch vụ tưới tiêu. Chính vì thế, việc cải thiện hệ thống thủy lợi đồng bộ từ đầu mối tới mặt ruộng, cải thiện thể chế chính sách, nâng cao năng lực quản lý, tăng hiệu quả sử dụng nước là yêu cầu cấp thiết của ngành thủy lợi hiện nay. Nhu cầu đầu tư cho việc nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác các hệ thống công trình thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tăng chuỗi giá trị gia tăng hiện nay là rất cấp bách, tuy nhiên nguồn lực cho công tác này là hạn chế.

Theo các nghiên cứu của ADB về năng suất sử dụng nước², năng suất sử dụng nước trung bình trong sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam là khoảng $0,6 \div 0,8 \text{ kg.m}^{-3}$, giá trị này thấp hơn rất nhiều so với mức trung bình là $2 \div 2,5 \text{ kg.m}^{-3}$ tại các nước có hình thái sản xuất nông nghiệp tương tự. Vấn đề năng suất sử dụng nước thấp trong lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam sẽ làm suy yếu an ninh nguồn nước, đe dọa tăng trưởng kinh tế bền vững và gia tăng tính dễ tổn thương của đất nước với sự thay đổi khí hậu. Việt Nam là trong số ít nước châu Á đã trải nghiệm

¹ Báo cáo thẩm định dự án cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7).

² Năng suất sử dụng nước là một đơn vị tính giữa sản lượng nông nghiệp trên 1 đơn vị nước được sử dụng để tạo ra sản lượng nông nghiệp, đơn vị tính thường là kg/m^3

'điều kiện hạn hán – thiếu nước cục đoạn"do thay đổi điều kiện khí hậu - thủy văn và gia tăng nhu cầu sử dụng nước cho phát triển kinh tế xã hội.

Việt Nam có nguồn nước phong phú nhưng biến động rất lớn theo mùa, dòng chảy mùa cạn chỉ chiếm khoảng 20÷30% tổng lượng dòng chảy năm (85% là từ nước ngầm). Vùng Nam Trung bộ và khu vực Trung Tây Nguyên là vùng khô hạn nhất cả nước, đặc biệt là tại các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận có lượng mưa trung bình thấp nhất cả nước và mùa mưa chỉ kéo dài trong 03 tháng. Lượng nước trữ trong các hệ thống thủy lợi còn rất hạn chế và chưa đáp ứng được nhu cầu nước ngày càng tăng mạnh trong tình hình đô thị hóa – công nghiệp hóa và chuyển đổi cơ cấu cây trồng mạnh mẽ. Tình trạng thiếu nước diễn ra thường xuyên, liên tục hết năm này sang năm khác, kể các những vùng nằm trong khu tưới của các hệ thống thủy lợi sẵn có. Vấn đề sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả là nhu cầu bắt buộc trong việc thích nghi với điều kiện hạn hán, thiếu nước hiện nay.

Theo các nghiên cứu mới nhất về tác động của biến đổi khí hậu, Việt Nam là một trong 05 quốc gia có tính dễ tổn thương cao nhất do biến đổi khí hậu. Tình hình phá rừng thượng nguồn nghiêm trọng làm giảm tầng thảm bề mặt và làm tăng dòng chảy mặt có liên quan đến tình hình trượt đất, xói lở và thay đổi điều kiện thủy văn lưu vực sông. Các vùng đồng bằng ven biển, là nơi sản xuất nông nghiệp và thủy sản chính của các tỉnh khu vực Nam Trung bộ, là vùng rất nhạy với tình hình ngập lụt và xâm nhập mặn do các trận bão, áp thấp nhiệt đới và các loại hình thiên tai diễn tiến chậm như tình hình nước biển dâng, lún đồng bằng do việc khai thác nước ngầm làm hạ thấp tầng nước ngầm và gia tăng vấn đề ô nhiễm nguồn nước hạ lưu. Các vấn đề này làm tăng chi phí và giảm sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Trong vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, tác động của biến đổi khí hậu đến thời tiết làm cho diễn biến hạn hán – thiếu nước ngày càng khó lường làm gia tăng mức độ rủi ro thiên tai hạn hán.

Nhận thức được các rủi ro nêu trên, Chính phủ Việt Nam đã và đang đề ra nhiều chính sách bao gồm ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô và tái cơ cấu nền kinh tế. Trong đó, đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp – được ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Để thực hiện các mục tiêu phát triển nông thôn và xóa đói giảm nghèo mà đề án hướng tới đã nhấn mạnh việc: “Cơ sở hạ tầng được nâng cấp gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ công và tăng năng suất sản xuất nông nghiệp, góp phần giảm tỷ lệ nghèo đói nông thôn”, và “đầu tư thủy lợi chuyển dần theo hướng đa mục tiêu, vừa phục vụ sản xuất vừa tăng khả năng cung cấp nước sinh hoạt nông thôn và đô thị, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về cấp thoát nước phục vụ sản xuất công nghiệp và phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao”. Điều này chứng tỏ thủy lợi là nội dung rất quan trọng trong các nội dung cốt lõi của đề án tái cơ cấu. Do vậy, đầu tư thủy lợi cần đồng bộ với đầu tư các cơ sở hạ tầng hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, cải thiện thể chế, chính sách quản lý, tăng cường các

dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp nhằm cải thiện đời sống nông dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo.

Bối cảnh vùng dự án

Nằm trong khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, vùng dự án có diện tích khoảng 36,03 nghìn km² với khoảng 5,4 triệu người, có lợi thế lớn về nông nghiệp, thủy sản và du lịch, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Tỷ trọng trung bình trong GDP của nông - lâm nghiệp năm 2014 của các tỉnh vùng duyên hải ven biển là khoảng 22% và vùng miền núi, trung du là 46,8% so với trung bình 18,4% của cả nước. Tỷ lệ diện tích đất lúa có tưới ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ chiếm khoảng 23% diện tích đất sản xuất nông nghiệp và khoảng 4% diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở khu vực Tây Nguyên, như vậy tỷ lệ diện tích trồng lúa thấp hơn so với mức trung bình cả nước là khoảng 30%. Hiệu quả sử dụng nước trong các hệ thống thủy lợi so với diện tích tưới thiết kế trong vùng duyên hải Nam Trung Bộ là khoảng 64% và vùng Tây Nguyên là khoảng 74%, trong so sánh với 83% vùng Bắc Bộ; 82% vùng Đông Nam Bộ và 64% vùng Bắc Trung Bộ³.

Nguyên nhân của việc hiệu quả sử dụng nước đạt thấp là do trong vùng có hệ thống kênh mương dài 38.010 km nhưng thực tế mới chỉ kiên cố hóa được 3.805 km chiếm 10%, hệ thống kênh mương chưa hoàn chỉnh làm thiếu nguồn nước cấp cho các vùng ở xa nguồn nước, ảnh hưởng đến việc cấp nước của toàn hệ thống các công trình thủy lợi. Việc nâng cấp, kiên cố và hiện đại hóa hệ thống kênh mương của các tỉnh nằm trong vùng dự án sẽ là một trong những giải pháp quan trọng, cần thiết để cung cấp đủ nguồn nước tưới cho các loại cây trồng theo thiết kế của các hệ thống công trình, kênh mương nhằm ổn định phát triển sản xuất và đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Vùng dự án nằm trong khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán gây thiệt hại hàng năm rất lớn. Diện tích bị thiệt hại năm 2012 toàn vùng Nam Trung Bộ là 17.277 ha trong đó có 15.627 ha lúa⁴, năm 2013 là 6.376 ha trong đó có 900 ha lúa⁵. Vụ đông xuân năm 2014÷2015, hạn hán xảy ra nghiêm trọng trên toàn vùng Nam Trung Bộ và đặc biệt nghiêm trọng đối với các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa. Tính đến tháng 6 năm 2015, các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận hầu như không còn dung tích hữu ích, một số hồ chỉ còn một phần dung tích chết hoặc đã cạn nước như hồ sông Trâu, sông Sắt, hồ suối Lớn... Tại Bình Thuận, dung tích hữu ích của các hồ chỉ khoảng 21,7% so với thiết kế. Về thiệt hại, tỉnh Ninh Thuận đã có khoảng 8.621 hộ dân thiếu nước sinh hoạt cần

³Theo báo cáo rà soát thủy lợi toàn quốc, 2008

⁴Tình hình hạn hán xâm nhập mặn và công tác chỉ đạo phòng chống khắc phục hậu quả tại các tỉnh Trung bộ Nam bộ Tây Nguyên; Bộ NN&PTNT, *Tổng cục thủy lợi*, 2013

⁵Báo cáo tình hình hạn, xâm nhập mặn khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên,” *Tổng cục thủy lợi*, 2014

được hỗ trợ, có 145 con trâu bò, 1.591 con dê cừu đã bị chết. Diện tích cây trồng vụ Đông Xuân bị mất trắng hơn 501 ha, diện tích giảm năng suất 1.578 ha, tổng diện tích phải dừng sản xuất vụ Đông Xuân là 6.100 ha. Vụ Hè Thu năm 2015 có 10.200 ha phải dừng sản xuất do đang bị thiếu nước. Tại Khánh Hòa, vụ Đông Xuân 2014÷2015 có 571 ha dừng sản xuất, 600 ha chuyển đổi cơ cấu cây trồng do không đủ nước tưới và 2.988 ha cây trồng bị thiếu nước (ảnh hưởng đến năng suất 1.735 ha); vụ Hè Thu, có 9.567 ha dừng sản xuất do hạn hán, diện tích chuyển đổi từ lúa sang cây trồng cạn do thiếu nước là 1.400 ha. Ngoài ra từ đầu mùa khô năm 2015, Ninh Thuận cũng đã xảy ra 31 vụ cháy rừng, diện tích rừng tự nhiên bị cháy là 19,7 ha. Tỉnh Bình Thuận bị khô hạn ở mức độ kỷ lục, số lượng người bị thiếu nước sinh hoạt là trên 30.000 người. Đã có 552 ha diện tích đất nông nghiệp bị mất trắng do hạn và 2.167 ha bị ảnh hưởng hạn và giảm năng suất cây trồng⁶. Như vậy có thể thấy rằng hạn hán xảy ra liên miên, dai dẳng đã gây ra thiệt hại rất lớn đến sinh kế của nhân dân và của cả nền kinh tế.

Vùng Tây Nguyên hạn gay gắt vào thời gian cuối tháng 4, đầu tháng 5/2015. Tổng diện tích thiếu nước, hạn hán cao nhất là 95.053 ha. Trong đó, Đắk Lắk: 61.466 ha (mất trắng 4.364 ha), Đắk Nông: 16.760 ha, Gia Lai 8.956 ha... Ngoài ra, tại Đắk Lắk có 19.000 hộ dân bị thiếu nước sinh hoạt⁷.

Nhiều công trình thủy lợi trong toàn vùng chưa phát huy hết hiệu quả do hệ thống công trình thủy lợi mới chỉ hoàn thiện đầu mối, hệ thống kênh mương còn dở dang hoặc chưa được đầu tư; quy hoạch sử dụng nước tổng hợp chưa được thực hiện đồng bộ nhằm khai thác sử dụng công trình đa mục tiêu; hệ thống kênh mương hoặc là đang xuống cấp do được xây dựng với các tiêu chuẩn thiết kế thấp, chập vá, hoặc là do công tác quản lý, khai thác còn có những bất cập, thiếu cơ chế phân giao trách nhiệm và quyền hạn trong quản lý công trình, thiếu cơ chế giám sát và đánh giá nên khó quy trách nhiệm quản lý; duy tu bảo dưỡng không đầy đủ, kịp thời do thiếu kinh phí, thêm các tác động của thiên tai làm cho hệ thống công trình xuống cấp nghiêm trọng ảnh hưởng đến cung cấp dịch vụ tưới tiêu.

Do hoạt động phân cấp quản lý công trình được thực hiện ở nhiều địa phương còn lúng túng, chưa phân định rõ cấp quản lý cho từng hệ thống nội đồng cụ thể do thiếu cơ chế, chính sách và các quy định phù hợp. Bên cạnh đó, nguồn lực và năng lực duy tu, bảo dưỡng công trình của các địa phương còn nhiều hạn chế. Thực tế, nhiều hạng mục công trình giao cho địa phương quản lý nhanh xuống cấp không đảm bảo yêu cầu tưới tiêu.

Việc tham gia của người dân vào quản lý tưới tiêu tại một số địa phương trong vùng dự án mới đang trong quá trình thí điểm, chưa được triển khai rộng

⁶Tổng hợp tình hình hạn hán, xâm nhập mặn vụ Đông Xuân 2014÷2015, và nhận định hạn hán, thiếu nước vụ Hè Thu, Mùa năm 2015 khu vực Trung bộ, Tây nguyên và Nam bộ,” *Tổng cục thủy lợi*

⁷Báo cáo tình hình hạn, xâm nhập mặn khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên,” *Tổng cục thủy lợi*, 2014

rãi do một số vấn đề sau: (i) khung chính sách trong phân cấp quản lý công trình thủy lợi chưa hoàn chỉnh; (ii) tổ chức quản lý, vận hành công trình chưa thống nhất; (iii) thiếu vốn và chưa có cơ chế quản lý, sử dụng tài chính thích hợp; (iv) công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về quản lý nước dựa vào cộng đồng, các hoạt động về PIM chưa được triển khai rộng rãi; và (v) cơ sở vật chất/hệ thống kênh mương chưa đáp ứng được yêu cầu tưới tiêu.

Hơn nữa, một số nhóm dân tộc trong vùng dự án có tập quán canh tác lúa nước, khi có nước là nhân dân lại trồng lúa tiêu tốn rất nhiều nước cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn nước dự trữ và kế hoạch sản xuất trong các khu tưới. Việc tuyên truyền ý thức cho nhân dân sử dụng nước tiết kiệm và phù hợp vẫn còn chưa phát huy hiệu quả.

Ngoài ra công tác tuyên truyền về ý thức phòng ngừa và thích nghi với thiên tai nói chung và với hạn hán nói riêng còn nhiều hạn chế. Công tác này hiện nay chỉ tập trung vào vấn đề “chống” là chính mà xem nhẹ vấn đề tối ưu hóa trong quản lý, sử dụng tiết kiệm và thích nghi của cộng đồng trong điều kiện hạn hán. Tâm lý phó mặc và chờ đợi sự hỗ trợ của nhà nước của đồng bào các dân tộc trong vùng đã làm nghiêm trọng thêm tình hình hạn vốn đã rất khắc nghiệt.

Tóm lại, nhu cầu phát triển và tiềm năng phát triển nông nghiệp trong vùng là rất lớn tuy nhiên các tồn tại chính liên quan đến vấn đề nguồn nước và sử dụng nước trong vùng cần phải giải quyết là:

- i. Thiên tai hạn hán đã và đang diễn ra ở quy mô rộng lớn, mức độ ngày càng tăng cao, gây thiệt hại rất lớn cho hầu hết các ngành sử dụng nước, đặc biệt trong đợt hạn hán 2014÷2015;
- ii. Vùng đang phải đối mặt với sự gia tăng mức dễ tổn thương trong điều kiện biến đổi khí hậu và các điều kiện thời tiết cực đoan ngày càng phức tạp và khó lường.
- iii. Nguồn nước và diện tích đất canh tác hạn chế cùng với nhu cầu nước gia tăng nhanh trong quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa;
- iv. Hệ số sử dụng nước còn rất thấp.
- v. Năng lực quản lý khai thác nguồn nước trong các công trình thủy lợi còn hạn chế;
- vi. Việc sử dụng nước của người dân ở nhiều nơi, nhiều thời điểm còn lãng phí, năng suất sử dụng nước còn ở mức rất thấp so với mức trung bình của thế giới.

2. Các dự án Hỗ trợ kỹ thuật khác và các biện pháp đã được thực hiện

Bộ NN&PTNT đã và đang thực hiện nhiều dự án hỗ trợ chuẩn bị các dự án (PPTA) vốn vay ODA trong lĩnh vực Thủy lợi và cơ sở hạ tầng nông thôn. Các hỗ trợ kỹ thuật này đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc chuẩn bị các dự án đáp ứng các yêu cầu phát triển của đất nước theo các chuẩn mực quốc tế. Các PPTA giúp Bộ nhận diện, thiết kế và lập kế hoạch tổ chức thực hiện các dự án.

Qua quá trình thực hiện các PPTA cho thấy rằng chất lượng thiết kế dự án bài bản hơn, nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp được nhận diện và có giải pháp tháo gỡ ngay từ ban đầu, qua đó đã thúc đẩy đáng kể tiến độ thực hiện dự án sau này. Việc chuẩn bị các tài liệu về chính sách an toàn cho các dự án ODA, vốn luôn là rào cản đáng kể cho việc chuẩn bị dự án theo các chính sách của nhà tài trợ, được cải thiện rất nhiều thông qua các PPTA. Bên cạnh việc chuẩn bị các đề xuất và thiết kế kỹ thuật, các PPTA cũng giúp Bộ xác định các cấu phần chính sách, phi công trình cần có để phát huy hiệu quả của các dự án vốn vay đầu tư cho hạ tầng.

Các dự án PPTA của ADB thông thường được tài trợ từ nguồn vốn không hoàn lại. Mặc dù là dự án tài trợ cho Chính phủ, vốn ODA được ADB dùng để thuê tuyển tư vấn thực hiện PPTA. Phía Chính phủ cung cấp một khoản đối ứng để phối hợp với ADB thực hiện dự án PPTA. Để phát huy tốt và sử dụng hiệu quả PPTA, tính chủ động, sẵn sàng của cơ quan thực hiện dự án là rất quan trọng. Việc này cần thể hiện qua bố trí nguồn nhân lực, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, kế hoạch làm việc đến cơ sở vật chất. Với các nhận thức như vậy, Bộ NN và PTNT đã hoàn thành tốt nhiều PPTA trong thời gian vừa qua, đáng kể trong số đó là các PPTA đã xây dựng xong các dự án vốn vay như dự án Tăng cường quản lý thủy lợi và cải tạo các hệ thống thủy nông; Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc; Dự án Quản lý và giảm nhẹ rủi ro lũ lụt và hạn hán tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS1); Dự án hệ thống thủy nông Bắc Sông Chu, Nam Sông Mã.

Kết quả một số các dự án có liên quan tới dự án WEIDAP/ADB8

Các dự án ODA thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý thực hiện đến nay có 9 dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng (không kể dự án đầu tư cho Lào), 8 dự án đang thực hiện, 1 dự án đang chờ ký hiệp định và 1 dự án đang chuẩn bị kỹ thuật. Thực tế vận hành các dự án hoàn thành cho thấy các hệ thống công trình thủy lợi thuộc các dự án vay vốn ODA đã và đang phát huy tốt hiệu quả trong việc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng dự án đặc biệt là sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn cùng với tiến trình phát triển và hội nhập của cả nước. Trong các dự án này, có một số dự án do ADB, WB tài trợ nâng cấp, hiện đại hóa thủy lợi, hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn, xóa đói giảm nghèo đã và đang thực hiện thành công tạo tiền đề cho đề xuất dự án WEIDAP như sau:

Dự án *Hỗ trợ Thủy lợi Việt Nam (VWRAP/WB3: 176,5 triệu USD, hoàn thành 31/12/2012)*. Dự án có mục tiêu: (i) Thúc đẩy đa dạng hoá nông nghiệp và tăng năng suất thông qua hiện đại hóa hệ thống thủy lợi và tăng thu nhập hộ gia đình nông nghiệp và xóa đói giảm nghèo ở nông thôn; (ii) thiết lập các hệ thống quản lý an toàn đập hiệu quả và hạ thấp rủi ro liên quan tới đập; (iii) thúc đẩy sự phát triển bền vững về môi trường và quản lý tài nguyên nước trong lưu vực sông Thu Bồn. Dự án đã đầu tư nâng cấp một phần kênh chính, một số kênh cấp 1, 2 của hệ thống Phú Ninh (tỉnh Quảng Nam), đầu mối, kênh chính và một số kênh cấp 1, 2 của hệ thống Kẻ Gỗ (tỉnh Hà Tĩnh). Dự án WEIDAP sẽ kế thừa các kinh

nghiệm của dự án VWRAP trong việc hoàn chỉnh các hệ thống công trình thủy lợi theo hướng hiện đại hóa này nhằm phát huy hết hiệu suất công trình, tối đa hóa lợi ích của đồng vốn đầu tư.

Các dự án “*Phát triển hệ thống tưới Bắc sông Chu – Nam sông Mã (ADB6)*” và “*Dự án Thủy lợi miền Trung*” vay vốn ADB đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thủy lợi khu vực miền Trung. Dự án WEIDAP sẽ kế thừa các kinh nghiệm thực hiện lập kế hoạch kinh doanh và tái cơ cấu công ty thủy nông theo hướng tự chủ về tài chính để bền hơn nữa trong quản lý và vận hành sau khi công trình đưa vào sử dụng. Các kỹ năng về quản lý, tổ chức thực hiện dự án cũng sẽ được dự án WEIDAP kế thừa vì có nhiều tương đồng về thủ tục do cùng được tài trợ bởi ADB.

Các dự án “*Khôi phục, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An*”, “*Dự án tưới Phan Rí - Phan Thiết*” và “*Cải thiện nông nghiệp có tưới*” vay vốn JICA và WB cải thiện sản xuất nông nghiệp có tưới ở một số tỉnh được lựa chọn miền Trung và miền núi phía Bắc nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản xuất nông nghiệp và bền vững thích ứng biến đổi khí hậu trên cơ sở cải thiện hệ thống tưới tiêu và thể chế, chính sách quản lý thủy lợi, theo định hướng Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Các giải pháp kỹ thuật để hoàn thiện cơ sở hạ tầng kênh, công trình trên kênh, công trình điều tiết, lấy nước, trữ nước của hệ thống tưới, tiêu theo hướng hiện đại hóa đảm bảo công suất thiết kế của hệ thống, và giảm thiểu hư hại do tác động thiên tai sẽ được xem xét ứng dụng trong dự án WEIDAP. Bên cạnh đó, các mô hình nông nghiệp thông minh thí điểm trong các dự án này cũng sẽ được nhân rộng một cách phù hợp cho các tiểu dự án của dự án WEIDAP.

Dự án WEIDAP hướng tới việc nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán với đối tượng chính là các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như cà phê, tiêu, thanh long, xoài, nho, táo, Hiện nay Bộ Nông nghiệp và PTNT đang triển khai thực hiện Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VNSat), trong đó có nội dung phát triển cà phê bền vững cho các tỉnh Tây Nguyên, trong đó có Đắk Nông và Đắk Lắk, hai trong số năm tỉnh tham gia dự án WEIDAP. Việc kết hợp các giải pháp về trồng trọt và các giải pháp cấp nước sẽ nâng cao tính ổn định, hiệu quả sản xuất của Vùng Tây Nguyên, qua đó nâng cao hiệu quả của các Dự án vốn vay.

Các dự án ODA trước đây hướng tới đa mục tiêu, giải quyết các vấn đề thông qua các hoạt động chính như xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi; tăng cường công tác quản lý; phát triển cộng đồng... Nhiều dự án đặt mục tiêu giải quyết những vấn đề cấp bách, cục bộ với cách tiếp cận đầu tư tập trung và chưa được bố trí nguồn lực chưa thỏa đáng. Những vấn đề đặt ra thời gian gần đây của mục tiêu chiến lược phát triển bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia có ý nghĩa then chốt đối với phát triển đất nước chưa được đề cập nhiều, đặc biệt là Chương trình “tam nông”, Chương trình xây dựng nông thôn mới, Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Chiến lược phát triển thủy lợi đến năm 2020 cần thiết

phải xây dựng các dự án đầu tư có tính đồng bộ, giải quyết triệt để các vấn đề từ cấp hệ thống tới cấp nội đồng. Kết hợp đầu tư nâng cấp công trình với tăng cường quản lý cấp hệ thống để nâng cao hiệu quả dịch vụ tưới tiêu cho các tổ chức quản lý, đến khuyến khích sự tham gia quản lý của cộng đồng; Từ hoàn thiện, hiện đại hóa các công trình đầu mối hồ chứa, kênh chuyên nước tới giải pháp tưới tiết kiệm, hiệu quả cho từng loại cây trồng và các nhu cầu dùng nước khác; Từ tăng hiệu ích dùng nước, giảm chi phí đầu vào tới tăng giá trị gia tăng của sản xuất nông nghiệp; Chuyển giao quản lý tưới cùng với cải thiện đồng ruộng, quản lý sử dụng đất đai. Khái quát những bài học kinh nghiệm từ các dự án trước đây để áp dụng cho xây dựng và thực hiện Dự án WEIDAP như sau:

Để dự án được triển khai thực hiện kịp thời, thiết kế kỹ thuật chi tiết và các thiết kế khác cần được chuẩn bị trong thời gian chuẩn bị dự án. Công tác thiết kế chi tiết cho các công trình xây lắp năm đầu tiên nên được bắt đầu ngay khi thẩm định và được hoàn thành khi dự án có hiệu lực.

Với những thách thức do hướng tới đa mục tiêu về quản lý tài nguyên nước và sản xuất nông nghiệp, việc chuẩn bị dự án và trách nhiệm thực hiện, đặc biệt cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn, cần phải được phân cấp xuống cấp tỉnh. Đối với cơ sở hạ tầng lớn, phức tạp và liên tỉnh, trách nhiệm nên giao cho các cơ quan của Bộ NN&PTNT trực tiếp quản lý, trong khi các hệ thống đơn giản và trong địa bàn một tỉnh sẽ được trao quyền cho các tỉnh để quản lý đầu tư.

Cần tính đến hỗ trợ sau dự án cho người hưởng lợi, để đảm bảo tính bền vững của các mục tiêu dự án.

Một thiết kế dự án thủy lợi thành công liên quan đến cơ sở hạ tầng tưới tiêu cần xem xét kinh nghiệm giải ngân trước đây và khả năng hấp thụ cũng như các rủi ro liên quan đến những thay đổi thời tiết theo mùa và kế hoạch thi công.

Thẩm quyền, trách nhiệm và tính tự chủ của các cơ quan thực hiện cần được xác định rõ trước khi khởi động dự án. Các Tổ chức dùng nước và Công ty quản lý thủy nông cần đào tạo về quản lý kế toán và tài chính để đảm bảo hiệu quả. Việc chuyển giao quản lý cho Tổ chức dùng nước là cần thiết. Quá trình thực hiện cần được giám sát chặt chẽ để đảm bảo tính minh bạch và công bằng.

Dự án WEIDAP được thiết kế với cách tiếp cận có kế thừa, rút kinh nghiệm từ các dự án đã thực hiện và chú trọng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Dự án sẽ tham khảo để ứng dụng những kinh nghiệm về hiện đại hóa tưới của dự án VWRAP trong đề xuất nâng cấp hệ thống tưới tiêu. Ứng dụng các công trình điều tiết hiện đại hóa, áp dụng các công nghệ, giải pháp chống tổn thất của kênh; tham khảo để sử dụng hướng dẫn chuyển giao quản lý tưới, những kết quả hoạt động thành lập Tổ chức dùng nước của chương trình PIM trong dự án VWRAP và những kinh nghiệm từ Chương trình hỗ trợ PIM (do JICA và AFD tài trợ, hoàn thành năm 2013) để áp dụng cho dự án. Đối với các hoạt động hỗ trợ triển khai các mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, dự án sẽ tham khảo các mô hình đã được rút kinh nghiệm từ các thí điểm thâm canh khác như mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, giải pháp canh tác ba giảm, ba

tăng,...được thực hiện trong các dự án WB7, JICA2. Về quản lý thực hiện và tổ chức thực hiện dự án: phân cấp cho địa phương nhằm rút ngắn thời gian thẩm định, phê duyệt, và giải ngân. Rút kinh nghiệm về thời gian thực hiện HTKT từ một số dự án trước đây dùng vốn vay và tư vấn quốc tế để thực hiện HTKT, dự án này đề xuất dùng vốn trong nước và tư vấn trong nước để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi vì thời gian chuẩn bị cho dự án vốn vay hạn chế, tư vấn trong nước đã có có năng lực đáp ứng và kinh nghiệm từ các dự án trước, để dự án có thể triển khai sớm ngay sau khi Hiệp định vay có hiệu lực.

Tóm lại, nhiều Dự án ODA do Bộ NN&PTNT thực hiện đã góp phần tích cực vào việc hoàn thiện, nâng cao năng lực phục vụ của các hệ thống công trình thủy lợi, nâng cao năng lực quản lý tổng hợp tài nguyên nước phục vụ các mục tiêu phát triển nông nghiệp, dân sinh trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong đó, dự án có mục tiêu rõ rệt nhất về nâng cấp, hoàn thiện các công trình thủy lợi, nâng cao năng lực quản lý các hệ thống công trình thủy lợi là dự án Hỗ trợ Thủy lợi Việt Nam, Cải thiện nông nghiệp có tưới, Thủy lợi miền Trung và Khôi phục, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An là cơ sở để thực hiện Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán đạt kết quả như yêu cầu.

3. Sự cần thiết của dự án

Việc duy trì ưu thế của Việt Nam trên thị trường hàng nông sản toàn cầu phụ thuộc vào việc duy trì sự cạnh tranh về giá và chất lượng sản phẩm. Nguồn nước đóng vai trò then chốt, ảnh hưởng đến cả chất và lượng của hàng nông sản, trong khi nhu cầu nước lại đang gia tăng nhanh trong lĩnh vực đô thị hóa và công nghiệp hóa. Sự tổ hợp giữa yêu cầu an ninh lương thực quốc gia và chính sách mở rộng xuất khẩu cùng với việc nông dân không muốn rủi ro và thói quen trồng lúa nước tiêu hao rất nhiều nước. Nguyên tắc quan trọng để nâng cao khả năng sử dụng hiệu quả nguồn nước là: (1) tăng sản lượng nông nghiệp cung cấp ra thị trường trên mỗi đơn vị sử dụng nước, (2) giảm thất thoát dòng chảy (ví dụ, tiêu thoát, thấm, rò rỉ bao gồm cả việc bốc thoát hơi nước), (3) nâng cao hiệu quả sử dụng nước mưa, các nguồn nước trữ và nước thải.

Theo Báo cáo đánh giá ngành nước của ADB, ngành nông nghiệp sử dụng khoảng 82% nguồn tổng nước mặt được sử dụng, tuy nhiên hiệu quả sử dụng nước lại rất thấp. Hiện trạng hệ thống thủy nông còn thiếu đồng bộ và có hệ số sử dụng nước thấp, có đến 90% hệ thống kênh mương chưa được kiên cố hóa và chủ yếu là kênh đất có hệ số lợi dụng kênh mương $\ll 0,7$; một phần kênh mương đã được kiên cố hóa không được duy tu bảo dưỡng thường xuyên đã bị xuống cấp nghiêm trọng gây thất thoát nguồn nước. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc hiệu quả phân phối nước bao gồm: (i) công trình không tôn trọng các tiêu chuẩn thiết kế, (ii) các tiêu chuẩn thiết kế thấp được áp dụng cho một số hệ thống, (iii) đầu tư cho việc quản lý vận hành còn hạn chế.

Mặc dù có nhiều tiến bộ trong ứng dụng khoa học công nghệ nhưng nông nghiệp vẫn phải dựa nhiều vào các điều kiện tự nhiên để sản xuất. Trong khi đó, những

năm gần đây cùng với sự biến đổi khí hậu toàn cầu, thời tiết và các hiện tượng thủy văn ở nước ta ngày càng biến động phức tạp hơn, không theo quy luật tự nhiên. Các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ, hạn hán với những biểu hiện bất thường xảy ra với cường độ mạnh hơn và tần suất cao hơn, gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp và thiệt hại tới các ngành kinh tế khác. Hạn hán do ảnh hưởng của El Nino kéo dài từ năm 2014 tới giữa năm 2016. Nhiều địa phương trong vùng dự án đã và đang phải đối mặt với hiện tượng thiên tai khốc liệt nhất trong vài chục năm gần đây. Khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên, đặc biệt là tại Ninh Thuận có đến 60% diện tích đất canh tác vụ Hè Thu bị bỏ hoang, hàng vạn hộ gia đình phải dựa vào nguồn nước và lương thực cứu hộ từ chính quyền trong thời gian dài. Trong khi như ở vùng Tây Nguyên có điều kiện khá phù hợp cho các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, trong đó cà phê chiếm 98% tổng diện tích cả nước, cây cao su, tiêu, điều và chè chiếm khoảng 20÷30% tổng diện tích cũng bị tác động nghiêm trọng bởi hạn hán.

Nhu cầu nước sử dụng cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ của các khu vực này ngày càng gia tăng. Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa, những thay đổi hình thức tiêu thụ lương thực, đã khuyến khích người dân phát triển các cây trồng có giá trị kinh tế cao (như cây ăn quả, rau, hoa,..) và các loại cây trồng khác đã ảnh hưởng tới khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng nước. Từ đó đòi hỏi phải các địa phương phải: Cải thiện hệ thống tưới tiêu để hoạt động hiệu quả, bền vững, đáp ứng sử dụng nước đa mục tiêu; Tái thiết cơ sở hạ tầng đồng ruộng theo mô hình sản xuất cánh đồng mẫu lớn; Phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả, thông minh thích ứng khí hậu; và củng cố các tổ chức hợp tác dùng nước.

Việc nâng cao hiệu quả sử dụng nước nhằm sử dụng phù hợp với điều kiện nguồn nước ngày càng khan hiếm, tăng thu nhập cho người dân, đảm bảo an ninh lương thực trước sức ép gia tăng dân số, biến động bất lợi của thời tiết và chuyển dịch nông thôn trở nên cấp bách ở các Tỉnh thuộc vùng dự án.

Để làm được việc này, cải thiện dịch vụ cấp nước tưới cho vùng giàu tiềm năng nông nghiệp như Tây Nguyên và Nam Trung Bộ đòi hỏi được triển khai một cách toàn diện. Từ nâng cao hiệu quả của dịch vụ quản lý dịch vụ thủy nông cho đến đầu tư cơ sở hạ tầng đặc biệt là công trình thủy lợi với nhiều loại hình, quy mô, công nghệ khác nhau để tận dụng hiệu quả nguồn nước, vốn ngày càng khan hiếm trong vùng Dự án. Việc này không chỉ giúp cải thiện hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất nông nghiệp mà còn hỗ trợ giải quyết nước sinh hoạt cho nhân dân, phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, gắn với các chính sách xã hội để góp phần thực hiện thành công chương trình xóa đói giảm nghèo, định canh định cư, phát triển dân tộc thiểu số và phát triển thủy lợi kết hợp phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai. Dự án được đầu tư sẽ góp phần đáp ứng những mục tiêu chiến lược phát triển bền vững, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và hoàn thiện một số tiêu chí về xây dựng nông thôn mới.

Nhu cầu đầu tư cho vùng hạn hán Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là rất cao, tuy nhiên nguồn lực của dự án là có hạn. Trong quá trình chuẩn bị xây dựng dự án, ADB và Bộ Nông Nghiệp và PTNT đã thống nhất sẽ lựa chọn tối đa 5 tỉnh bị ảnh hưởng nhất bởi hạn hán năm 2014÷2015 theo các đánh giá thiệt hại của Chính phủ (tính đến tháng 11/2015 – thời điểm ADB yêu cầu xác định địa phương tham gia dự án theo tiêu chí lựa chọn tỉnh và tiểu dự án). Kết quả sàng lọc đã lựa chọn được các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận (ở khu vực Nam Trung Bộ) và Đắk Lắk, Đắk Nông (ở khu vực Tây Nguyên) tham gia dự án.

Từ thực tế trên có thể tóm tắt một số vấn đề chính cần giải quyết đối với vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên như sau:

- Cải thiện dịch vụ quản lý thủy nông;
- Nâng cấp, cải tạo hệ thống công trình thủy lợi theo hướng hiện đại hóa và có khả năng chống chịu với rủi ro thiên tai;
- Triển khai áp dụng tưới tiết kiệm nước tại mặt ruộng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh tham gia dự án;
- Quản lý dự án sẽ hỗ trợ triển khai các hoạt động cần thiết để thực hiện các nội dung của dự án theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của Chính phủ và Nhà tài trợ.

Để giải quyết các vấn đề này, việc tiếp thu các thành tựu, kinh nghiệm về khoa học công nghệ tiên tiến trong nước và quốc tế góp phần nâng cao hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp ở vùng bị ảnh hưởng bởi hạn hán và biến đổi khí hậu của Việt Nam sẽ có ý nghĩa rất quan trọng. Nhu cầu về nguồn lực tài chính để triển khai các thành tựu, kinh nghiệm cho vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là rất lớn. Tuy nhiên, để sử dụng một cách hiệu quả các nguồn lực này, triển khai một các có sàng lọc các bài học, kinh nghiệm trong nước và quốc tế, việc chuẩn bị Dự án là rất quan trọng. Bên cạnh các yêu cầu khắt khe về kỹ thuật và kinh tế, việc chuẩn bị các tài liệu liên quan theo yêu cầu của ADB (ví dụ như báo cáo cho Chủ tịch ADB, các chính sách an toàn về xã hội và môi trường) có nhiều nguy cơ kéo dài nếu do các đơn vị tư vấn trong nước thực hiện. Việc này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới kế hoạch hỗ trợ vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế và khắc phục hậu quả thiên tai, hậu quả có thể sẽ rất nghiêm trọng nếu hạn hán như năm 2014÷2015 lặp lại ở các tỉnh trong vùng dự án. Vì vậy việc có một Dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn vốn ODA để huy động các chuyên gia tư vấn quốc tế chuẩn bị dự án là vô cùng cần thiết và có vai trò then chốt. Kinh nghiệm của các chuyên gia quốc tế cùng với các chuyên gia trong nước tham gia đội tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cũng sẽ góp phần đáp ứng việc lồng ghép các kinh nghiệm quốc tế vào thực hiện các chính sách của Chính phủ trong phạm vi của dự án này cũng như giúp tránh các thiếu sót có thể có trong quá trình thực hiện dự án sau này.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ

1. Tính phù hợp của dự án vốn vay với định hướng của nhà tài trợ

Mục tiêu của Dự án vốn vay là hỗ trợ cho một số tỉnh Tây Nguyên và Nam Trung Bộ nâng cao năng suất sử dụng nước trong nông nghiệp thông qua việc nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho nông nghiệp trên địa bàn 5 tỉnh chịu ảnh hưởng nặng nề bởi hạn hán bao gồm Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk và Đắk Nông.

Chiến lược Đối tác Quốc gia cho Việt Nam của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) giai đoạn 2012÷2016 và chiến lược cho ngành Nông nghiệp và Tài nguyên thiên nhiên giai đoạn 2014÷2015 khẳng định sẽ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam ứng phó với các thách thức hiện có cũng như tiềm năng, trong đó có xóa đói giảm nghèo, biến đổi khí hậu. Các định hướng này dự định được cụ thể hóa qua (i) các đầu tư để cải thiện cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ cấp nước và phát triển nông thôn; (ii) đa dạng hóa các hệ thống nông nghiệp, trong đó ứng dụng công nghệ hướng tới nâng cao giá trị sản phẩm và cơ hội xuất khẩu. Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán hướng đến các mục tiêu về ứng phó với hạn hán – hậu quả của biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp và góp phần xây dựng nông thôn mới – là hoàn toàn phù hợp với các chiến lược của ADB đã nêu ở trên.

Thêm vào đó, Ngân hàng phát triển Châu Á có nhiều kinh nghiệm trong việc hỗ trợ các chương trình, phát triển quản lý tổng hợp tài nguyên nước, quản lý thiên tai tại Việt Nam. Kể từ năm 1993 đến nay, ADB kiên định với mục tiêu hỗ trợ ngành thủy lợi Việt Nam, coi đây là nền tảng cho phát triển nông nghiệp bền vững, xóa đói giảm nghèo và thích ứng với biến đổi khí hậu. Các dự án điển hình như: Dự án Khôi phục Thủy lợi và chống lũ (hoàn thành năm 2001), Dự án Thủy lợi đồng bằng sông Hồng (hoàn thành năm 2001), Dự án khắc phục hậu quả lũ lụt (hoàn thành năm 2002), Dự án Lưu vực sông Hồng giai đoạn 2 (hoàn thành năm 2010), Dự án Thủy lợi miền Trung (hoàn thành năm 2011), Dự án Thủy lợi Phước Hòa (đang thực hiện), Dự án Tăng cường quản lý Thủy lợi và cải tạo các Hệ thống thủy nông (đang thực hiện), Dự án Phát triển hệ thống tưới Bắc sông Chu – Nam sông Mã (đang thực hiện), Dự án Giảm thiểu lũ và hạn tiêu vùng sông Mê Công mở rộng (đang thực hiện).

Với các phân tích nêu trên, trong chương trình làm việc xây dựng danh mục đề tài trợ giai đoạn 2016 – 2018, ADB đã đề xuất dự án Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán hướng đến các mục tiêu về ứng phó với hạn hán. Dự án này ngoài việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của ADB và Chính phủ, còn mang tính chất hỗ trợ khẩn cấp cho các tỉnh bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi hạn hán năm 2014 – 2015 theo đề nghị của các Tỉnh bị ảnh hưởng và chỉ đạo của Chính phủ.

2. Các điều kiện cung cấp vốn ODA của ADB và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam

Theo quy định, để ADB có thể cung cấp các khoản hỗ trợ cho các Dự án ODA nói chung và các Dự án chong ngành nông nghiệp nói riêng, việc chuẩn bị và thực hiện dự án phải đáp ứng các yêu cầu về tính khả thi về mặt kinh tế, kỹ thuật cũng như đảm bảo các chính sách an toàn về môi trường và xã hội. Bên cạnh đó, ADB còn có nhiều các chính sách khác yêu cầu bên vay phải tuân thủ như: đấu thầu, tài chính, giải ngân cũng như cam kết vốn đối ứng. Các quy định, chính sách của ADB tương đối phức tạp, nguyên tắc, khắt khe. Tuy nhiên, với hơn 20 năm kinh nghiệm thực hiện các Dự án ODA, cùng với việc các quy định, chính sách của ADB cho các dự án vốn vay ở tất cả các giai đoạn của một chu kỳ dự án đều có hướng dẫn cụ thể, Chính phủ cũng ban hành nhiều thủ tục hài hòa hóa các chính sách của Nhà tài trợ và chính sách của Chính phủ, vì vậy việc đáp ứng các điều kiện này là hoàn toàn có thể. Những chính sách cơ bản của ADB đối với dự án này và khả năng đáp ứng các ràng buộc của phía Việt Nam như sau:

Để sử dụng nguồn vốn vay cho dự án WEIDAP một cách hiệu quả trong việc phòng chống và giảm nhẹ ảnh hưởng bởi hạn hán, ADB và Bộ NN&PTNT đã thống nhất một số tiêu chí lựa chọn các tiểu dự án, cụ thể như sau:

Tiêu chí lựa chọn tiểu dự án

a. Các loại cây trồng trong khu tưới thuộc TDA phải là các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như cà phê, tiêu, cây ăn quả, đặc biệt không phục vụ trồng các loại cây sử dụng nhiều nước như cây lương thực và mía;

b. Đáp ứng nhu cầu dùng nước cho hiện tại và các kế hoạch phát triển ở hạ du dựa trên tính toán cân bằng nước từ các nguồn nước sẵn có (như đập dâng, hồ chứa);

c. Khả thi về đầu tư và đạt chỉ số nội hoàn kinh tế lớn hơn hoặc bằng 10%;

b. Tiểu dự án phải không bị đánh giá là loại A (theo các tiêu chí của ADB) về các chính sách an toàn xã hội (bao gồm tái định cư, dân tộc thiểu số và giới). Yêu cầu về đền bù, tái định cư của tiểu dự án phải là không đáng kể (ví dụ không quá 200 người bị ảnh hưởng hoặc được xác định theo các định nghĩa của ADB và Việt Nam về không đáng kể trong đền bù (ví dụ như không có hộ bị di dời hoặc mất đất nông nghiệp dưới 10%);

d. Các tiểu dự án bị đánh giá là loại A về chính sách an toàn môi trường (theo các tiêu chí của ADB) có thể được cân nhắc để tài trợ với điều kiện thực hiện đánh giá tác động môi trường cho tiểu dự án và các cơ sở hạ tầng khác liên quan:

- Các tiểu dự án phải tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường trong nước và của ADB hoặc ít nhất có các biện pháp giảm thiểu phù hợp với các tiêu chuẩn này;

- Các tiểu dự án không tiếp giáp hoặc đi qua các khu vực được bảo vệ (ví dụ như các khu bảo tồn sinh thái hoặc di sản văn hóa).

e. Các tiểu dự án phải có phương án tài chính bền vững cho công tác vận hành và bảo dưỡng định kỳ sau khi hoàn thành dự án.

Tiêu chí ưu tiên tiểu dự án

- i. Có sử dụng đường ống kín cho các hệ thống phân phối nước thuộc tiểu dự án;
- ii. Có cơ chế điều tiết nước tiên tiến, hiệu quả;
- iii. Có thiết kế kết hợp chặt chẽ với hệ thống cấp nước mặt ruộng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước (ví dụ như tưới nhỏ giọt, phun mưa).

Các tiêu chí này đã được sử dụng để lựa chọn các tiểu dự án.

Chính sách an toàn: ADB yêu cầu các dự án được tài trợ sẽ phải tuân thủ các Chính sách xã hội bao gồm tái định cư bắt buộc, dân tộc thiểu số, môi trường. Trong các dự án vay vốn ADB đã và đang thực hiện, Bộ NN&PTNT trên cơ sở các quy định của Chính phủ về Quy chế quản lý & sử dụng nguồn vốn ODA cũng như các Luật hiện hành liên quan đến đất đai, tái định cư, quản lý môi trường trong nước đã thực hiện tốt hài hòa thủ tục đáp ứng đầy đủ các Chính sách bảo trợ xã hội của nhà tài trợ từ giai đoạn chuẩn bị đến thực hiện dự án.

Các quy định về thủ tục đấu thầu, quản lý tài chính: Qua các dự án vay vốn ADB do Bộ NN&PTNT quản lý đã và đang thực hiện, cũng như những điều chỉnh, sửa đổi các quy định hiện hành trong nước theo hướng hài hòa thủ tục, đã khẳng định hoàn toàn có khả năng đáp ứng các quy định của ADB.

IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

1. Mục tiêu tổng thể và dài hạn

Hỗ trợ nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh chịu ảnh hưởng bởi hạn hán năm 2014-2015 thông qua việc phân bổ hợp lý nguồn tài nguyên này để nâng cao giá trị gia tăng của sản xuất nông nghiệp, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và thích ứng bền vững với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể trước mắt

Hỗ trợ chuẩn bị dự án đầu tư vay vốn ADB, dự kiến phê duyệt trong năm 2018 với kinh phí ước tính khoảng 130 triệu USD (trong đó có 100 triệu USD vốn ADF và 20 triệu USD vốn OCR vay của ADB và 10 triệu USD vốn đối ứng của Chính phủ) nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho 5 tỉnh chịu ảnh hưởng bởi hạn hán gồm Ninh Thuận, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đắk Nông và Bình Thuận.

V. MÔ TẢ DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT

Thực hiện thỏa thuận của ADB với Chính phủ, ADB sẽ hỗ trợ Chính phủ một khoản 1.050.000 USD thông qua Dự án Hỗ trợ kỹ thuật (PPTA) để chuẩn bị cho Dự án vốn vay khoảng 130 triệu USD, nội dung cụ thể như sau:

1. Các hoạt động của Dự án Hỗ trợ kỹ thuật

Dựa vào các tài liệu (bao gồm Báo cáo nghiên cứu khả thi và các tài liệu về chính sách an toàn môi trường và xã hội) do phía Chính phủ chuẩn bị, Dự án HTKT sử dụng vốn ODA sẽ hỗ trợ:

- i. Xem xét, góp ý, hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) của dự án và của các tiểu dự án được chuẩn bị bởi Bộ Nông nghiệp & PTNT và các địa phương (bao gồm các nội dung của tiểu dự án và dự án như quy mô, phạm vi, kỹ thuật, dự toán, kế hoạch thực hiện, kế hoạch đấu thầu, quản lý vận hành), dự thảo Báo cáo chủ trương đầu tư cho Dự án và các tiểu dự án;
- ii. Xem xét, góp ý, hoàn thiện các chính sách an toàn về môi trường, xã hội của dự án do Bộ Nông nghiệp và PTNT chuẩn bị, đồng thời góp ý hoàn chỉnh các kế hoạch quản lý giảm thiểu các tác động này theo pháp luật của Việt Nam và chính sách của nhà tài trợ;
- iii. Lập sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án; đề cương, dự toán cho gói thầu tư vấn thực hiện dự án; xác định và xây dựng kế hoạch thực hiện một số hành động trước;
- iv. Dự thảo Hiệp định vay, báo cáo đánh giá năng lực vay và trả nợ của ngân sách các địa phương tham gia dự án đối với nguồn vốn vay ADB, điều khoản tham chiếu và kế hoạch đấu thầu tuyển dụng tư vấn quốc tế hỗ trợ thực hiện dự án;
- v. Dự thảo Báo cáo và khuyến nghị tới Chủ tịch ADB và các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của ADB.

Theo đề xuất của ADB tại Phụ lục 3 của bản nội dung Dự án (concept paper) gửi cho phía Chính phủ, PPTA sẽ cung cấp 21 tháng công chuyên gia quốc tế và 42 tháng công chuyên gia trong nước để thực hiện các hoạt động trên. Đề cương, dự toán của dịch vụ tư vấn thực hiện PPTA này do ADB lập được đính kèm với Văn kiện Dự án này.

2. Các kết quả đầu ra dự kiến của Dự án hỗ trợ kỹ thuật

Kế hoạch thực hiện các hoạt động chính và các kết quả đầu ra đáp ứng yêu cầu của Chính phủ và ADB dự kiến của Dự án HTKT được tóm tắt ở bảng dưới đây.

Bảng 1. Các hoạt động chính, kết quả dự kiến và thời gian hoàn thành

Sản phẩm chính	Thời hạn
Báo cáo khởi đầu	11/2016

Báo cáo về đánh giá ngành nông nghiệp, đánh giá tác động môi trường, xã hội, nghèo và giới; và đánh giá tài nguyên nước lưu vực sông có xem xét đến nhu cầu hiện tại và tương lai; Báo cáo khả năng thích ứng với các hiện tượng thời tiết cực đoan của các Tiểu dự án.	12/2016
Báo cáo phân tích kinh tế và tài chính; năng lực quản lý tài chính; kế hoạch hành động giới; giảm nghèo tức thời và chiến lược xã hội; kiểm tra môi trường ban đầu; kế hoạch tái định cư; khung tái định cư; kế hoạch dân tộc thiểu số; và, đánh giá rủi ro đầu thầu dự án và kế hoạch quản lý rủi ro.	1/2017
Báo cáo nghiên cứu khả thi tiểu dự án đại diện tuân thủ các yêu cầu của ADB; tổng hợp những đóng góp của dự án cho khung kết quả của ADB; tổng hợp cách dự án thúc đẩy hợp tác phát triển; đánh giá năng lực vay và trả nợ của địa phương; đề xuất chủ trương đầu tư cho các tiểu dự án và dự án vốn vay. Dự thảo Hiệp định vốn vay; điều khoản tham chiếu và kế hoạch đầu thầu tuyển dụng tư vấn quốc tế hỗ trợ thực hiện dự án, sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án; và tài liệu đầu thầu tổng thể cho từng loại hợp đồng.	2/2017
Dự thảo cuối cùng Báo cáo và khuyến nghị cho Chủ tịch ADB.	3/3017

Nguồn: Bản concept paper của ADB gửi Chính phủ.

Ghi chú: Kế hoạch thực hiện này do ADB dự kiến, cần phải điều chỉnh lại, cần tính từ thời điểm ADB chính thức huy động được tư vấn thực hiện PPTA.

3. Khả năng vận dụng hỗ trợ kỹ thuật vào thực tế

Dự án HTKT khi hoàn thành sẽ giúp xác định phạm vi, qui mô và các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tiểu dự án theo kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tế tại Việt Nam. Bên cạnh đó, dự án HTKT cũng sẽ giúp hoàn thiện thể chế, chính sách, công cụ để đảm bảo giảm thiểu các tác động về mặt môi trường và xã hội trong quá trình thực hiện dự án vốn vay cũng như trong quá trình vận hành. Vì vậy dự án hỗ trợ kỹ thuật tốt sẽ là tiền đề cho một dự án vốn vay có hiệu quả cao. Việc này sẽ góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn các xã nghèo khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, nơi mà điều kiện khắc nghiệt, nguồn nước ngày càng khan hiếm, kinh tế xã hội còn hết sức khó khăn, dân trí thấp. Cơ sở hạ tầng nông nghiệp được cải tạo một cách đồng bộ sẽ giúp người dân địa phương mở rộng diện tích canh tác, chủ động trong sản xuất, tăng năng suất và chất lượng cây trồng. Bên cạnh đó, việc kết hợp phát triển

thủy lợi với hệ thống giao thông nông thôn sẽ giúp người dân dễ dàng tiếp cận hơn với thị trường, từ đó giúp thúc đẩy trao đổi hàng hoá nông sản, nâng cao cơ hội phát triển kinh tế, cải thiện điều kiện sống. Khi đời sống của người dân được cải thiện, ý thức về sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường cũng theo đó cũng sẽ được nâng lên.

VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Dự án HTKT khi hoàn thành sẽ giúp Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn và Chủ quản các tiểu dự án (Ủy ban nhân dân các Tỉnh tham gia dự án) xây dựng các tài liệu, văn kiện dự án (báo cáo chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án, các chính sách an toàn của dự án,...) theo quy định tại Nghị định 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ và các quy định của Nhà tài trợ.

Nội dung dự án HTKT chuẩn bị dự án vốn vay sẽ hướng đến cung cấp các giải pháp (i) đáp ứng được hoạt động tưới tiêu chủ động, kịp thời, linh hoạt hiệu quả cho các diện tích tưới bị ảnh hưởng bởi hạn hán ở khu vực nam Trung Bộ và Tây Nguyên; (ii) triển khai áp dụng công nghệ tưới phục vụ việc phát triển mô hình nông nghiệp chất lượng cao thích ứng khí hậu nhằm tăng chuỗi giá trị sản xuất cho bà con góp phần quan trọng vào việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Các kết quả đạt được dự kiến của dự án HTKT sẽ mang lại các lợi ích đáng kể đối với bà con nông dân trong vùng dự án.

Dự án HTKT chuẩn bị dự án vốn vay khi hoàn thành sẽ giúp các cơ quan tham gia chuẩn bị dự án có thêm kinh nghiệm trong việc cung cấp các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước trong sản xuất nông nghiệp. Việc này đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc thực hiện các đề án, chương trình chiến lược của Chính phủ như Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Chương trình mục tiêu quốc gia để ứng phó với biến đổi khí hậu; Chiến lược phát triển Thủy lợi đến năm 2020; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chính sách tam nông,

Việc thực hiện tốt dự án Hỗ trợ kỹ thuật sẽ tạo nền tảng cho việc triển khai tốt dự án vốn vay sau này, qua đó gián tiếp hỗ trợ hàng triệu bà con nông dân vùng bị ảnh hưởng bởi hạn hán chủ động trong sản xuất nông nghiệp.

VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

1. Các nội dung hành động trước

Dự kiến Dự án Hỗ trợ kỹ thuật dự kiến sẽ được thực hiện trong khoảng 24 tháng, bắt đầu triển khai từ tháng 9/2016 và hoàn thành vào tháng 9/2018. Tuy nhiên, do tính chất cấp bách của của tình hình hạn hán tại Vùng Dự án thời điểm bàn thảo ý tưởng Dự án tháng 10/2015, Bộ Nông nghiệp và PTNT và ADB đã thống nhất có một số hành động trước. Theo đó:

- ADB sẽ cử chuyên gia vào cùng với Bộ Nông nghiệp và PTNT tiến hành sàng lọc các tiểu dự án. Nội dung bắt đầu từ tháng 1/2016 và đã kết thúc vào tháng 3/2016;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT sẽ tiến hành lập FS và các tài liệu chính sách an toàn môi trường và xã hội, Tư vấn PPTA của ADB sẽ hỗ trợ xem xét, góp ý cho các tài liệu này và chuẩn bị các tài liệu khác theo yêu cầu của ADB. Theo kế hoạch, bản dự thảo đầu tiên của FS và các tài liệu chính sách an toàn cần giao nộp cho ADB ngày 30/9/2016.

2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên

Căn cứ vào nội dung Dự án do ADB đề xuất kết hợp với kinh nghiệm thực hiện các Dự án HTKT chuẩn bị dự án trước đây. Kế hoạch thực hiện Dự án HTKT chuẩn bị Dự án ADB8 dự kiến như sau:

Các mốc chính	Ngày dự kiến hoàn thành
Chính phủ phê duyệt Đề cương chi tiết Dự án	5/2016 (đã hoàn thành)
ADB Phê duyệt Dự án HTKT	8/2016 (đã hoàn thành)
Huy động tư vấn PPTA	11/2016
Đoàn giám sát khởi đầu	12/2016
Đoàn giám sát giữa kỳ	1/2017
Trình Đề xuất chủ trương đầu tư dự án vốn vay	1/2017
Trình thẩm định, phê duyệt quyết định đầu tư	4/2017
Tư vấn PPTA nộp dự thảo RRP và các tài liệu liên quan.	4/2017
ADB kết thúc PPTA.	30/9/2017
Trình phê duyệt sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án, đề cương – dự toán cho các gói thầu lựa chọn tư vấn hỗ trợ thực hiện dự án, ...	31/12/2017
Làm các thủ tục để Hiệp định vay có hiệu lực	6/2018
Trình, thẩm định và phê duyệt báo cáo quyết toán và giải thể Ban QLDA.	9/2018

3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án

Nội dung và kế hoạch giám sát và đánh giá Dự án HTKT dự kiến như sau:

TT	Nội dung giám sát, đánh giá	Thời gian dự kiến
Chủ quản đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
1	Việc chấp hành quy định trong việc lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của	Tháng 10/2016;

	Dự án và các Tiểu dự án	Tháng 1/2017; Tháng 4/2017 và các đợt giám sát đột xuất khác
2	Việc chấp hành quy định trong việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án, Tiểu dự án	Tháng 1/2017
3	Việc chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện của các cơ quan, đơn vị liên quan và Nhà tài trợ.	Tùy theo thời điểm phát hiện các vấn đề
4	Tiến độ thực hiện Dự án	Định kỳ 6 tháng
<p>Chủ Dự án: Ban Quản lý Trung ương các Dự án Thủy lợi</p> <p>Thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình thực hiện PPTA, bao gồm cả việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và các chính sách an toàn cho Dự án.</p>		
	<p>Việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, các chính sách an toàn và các tài liệu chuẩn bị Dự án khác;</p> <p>Tình hình trình thẩm định và phê duyệt các tài liệu liên quan;</p> <p>Xác định các khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình chuẩn bị Dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;</p> <p>Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.</p>	Định kỳ hàng tháng

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án tuân thủ quy định của Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng công trình hiện hành của Chính phủ. Theo Quyết định số 727/QĐ-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục Dự án HTKT chuẩn bị Dự án ADB8, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Chủ quản Dự án với nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 37, Chương V, Nghị định 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ. Bộ NN&PTNT giao Ban Quản lý Trung ương các Dự án Thủy lợi (CPO) làm chủ dự án, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự

án HTKT với nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 38, Chương V, Nghị định 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ, và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Ban CPO do Bộ NN&PTNT quy định tại Quyết định số 3239/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2008.

Cơ chế làm việc, quan hệ giữa các cơ quan trong quá trình tổ chức thực hiện và quản lý dự án theo quy định của Pháp luật Việt Nam và phù hợp với quy định của ADB, trong đó ADB sẽ huy động, quản lý và trực tiếp thanh toán cho dịch vụ tư vấn PPTA, Bộ Nông nghiệp và PTNT là cơ quan hưởng lợi và trực tiếp phối hợp với tư vấn PPTA để thực hiện Dự án HTKT. Các đơn vị của Bộ gồm: Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính, Tổng cục Thủy lợi, Cục Trồng trọt, Viện KHKT Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên và Viện KHKT Nông nghiệp – Đại học Nam Trung Bộ theo nhiệm vụ, quyền hạn và chức năng của mình tham mưu cho Bộ thực hiện vai trò quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện dự án. Ban CPO thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ dự án HTKT theo quy định của pháp luật hiện hành của Chính phủ về ODA: chịu trách nhiệm giám sát, đôn đốc, hỗ trợ tư vấn chuẩn bị dự án thực hiện dự án phù hợp với các quy định về quản lý đầu tư xây dựng trong nước hiện hành và các chính sách của Nhà tài trợ. Các sản phẩm của tư vấn (Báo cáo nghiên cứu khả thi, các chính sách an toàn, RRP và các tài liệu liên quan khác) cần được cả ADB và Bộ Nông nghiệp & PTNT đồng thuận trước khi trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Các Sở, Ban Ngành liên quan của các tỉnh tham gia dự án phối hợp thực hiện các nội dung trong phạm vi tiểu dự án của địa phương theo sự hướng dẫn của Ban CPO. UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Chủ đầu tư tiểu dự án thực hiện các công tác chuẩn bị báo cáo nghiên cứu khả thi và các tài liệu chính sách an toàn cho các tiểu dự án phù hợp với quy định trong nước và của Nhà tài trợ.

IX. TỔNG VỐN DỰ ÁN

Tổng vốn của dự án hỗ trợ kỹ thuật: 1,3 triệu USD, tương đương khoảng 29,51 tỷ đồng (theo tỷ giá 30/11/2016: 1USD = 22.700 VNĐ), trong đó:

- Vốn ODA không hoàn lại của ADB là 1,05 triệu USD, tương đương 23,825 tỷ VNĐ.
- Vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam là 0,25 triệu USD, tương đương 5,675 tỷ đồng.

Dự toán cụ thể cho dự án HTKT được trình bày ở bảng dưới đây:

Bảng 2: Bảng cơ cấu chi phí chi tiết và nguồn vốn

Hạng mục chi phí	Chi phí (USD)
A. Nguồn vốn ODA	
1. Tư vấn	
a. Tiền lương	
Tư vấn Quốc tế	480.000
Tư vấn trong nước	138.000
b. Công tác phí	
Tư vấn Quốc tế	72.000
Tư vấn trong nước	34.500
c. Vé máy bay	
Quốc tế	70.000
Trong nước	15.800
2. Thiết bị	16.800
3. Hội thảo, đào tạo, tập huấn	50.500
4. Chi phí khảo sát	47.400
5. Các chi phí hành chính và hỗ trợ khác	15.000
6. Đại diện cho đàm phán hợp đồng	5.000
7. Dự phòng	105.000
Cộng phần A	1.050.000
B. Tài trợ của Chính phủ Việt Nam	
1. Chi phí văn phòng (thuê văn phòng, trang thiết bị văn phòng, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc) và các chi phí thuê mướn (phương tiện đi lại và dịch thuật...).	79.06
2. Lương, phụ cấp, công tác phí cho cán bộ BQLDA và Nhóm công tác của Bộ NN và PTNT.	130.70
3. Dự phòng	42.24
Cộng phần B	250.000
Tổng cộng (A+B)	1.300.000

Nguồn: từ nội dung dự án do ADB lập

Căn cứ vào đề xuất của ADB, khái toán cho khoản vốn đối ứng dự kiến như dưới đây.

Bảng 3: Khái toán chi vốn đối ứng cho Dự án PPTA chuẩn bị Dự án ADB8
 (Đây mới chỉ là khái toán cho chi phí vốn đối ứng theo dự toán do ADB đề
 xuất, dự toán chi tiết sẽ được lập chi tiết và trình Bộ Nông nghiệp và PTNT phê
 duyệt theo quy định sau khi Văn kiện Dự án được phê duyệt.)

TT	Mã số mục	Tiểu mục	Nội dung chi phí	Dự toán (triệu đồng)	Ghi chú
1	6000		Tiền lương	2.751,33	Chi phí tiền lương cho các cán bộ của Ban quản lý Dự án cho 24 tháng
		6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	2.751,33	
2	6100		Phụ cấp lương	71,56	
		6101	Phụ cấp chức vụ	18,75	
		6106	Phụ cấp thêm giờ	52,81	Thêm giờ tạm tính bằng 1 tháng chi lương
3	6500		Dịch vụ công cộng	144,00	
		6501	Tiền nhiên liệu (điện, nước, xăng xe)	144,00	6.000.000đ/ tháng * 24 tháng
4	6550		Vật tư văn phòng	60,00	
		6551	Văn phòng phẩm	60,00	2.500.000đ/ tháng * 24 tháng
5	6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	60,00	
		6601	Cước phí điện thoại trong nước	36,00	1.500.000đ/ tháng * 24 tháng
		6603	Cước phí bưu chính	24,00	1.000.000đ/ tháng * 24 tháng
6	6700		Công tác phí	723,75	Chi cho các đoàn công tác của Bộ
		6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	474,00	(10 người * 7 lần + 3 người * 3 lần) * 6.000.000
		6702	Phụ cấp công tác phí	100,50	(10 người * 7 lần * 7 ngày /lần + 3 người * 60 ngày) * 150.000
		6703	Tiền thuê phòng ngủ	149,25	(10 người * 7 lần * 6 đêm /lần + 3 người * 59 ngày) * 250.000
7	6750		Chi phí thuê mướn	951,00	
		6751	Thuê phương tiện vận chuyển cho các Đoàn công tác của Chính phủ và ADB	147,00	Thuê xe: 3.000.000đ/ngày * 7 ngày/lần * 7 lần
		6751	Thuê văn phòng	720,00	30.000.000 đ/tháng * 24 tháng
		6761	Thuê phiên dịch, biên dịch	84,00	Dịch từ V-A: 150.000đ/trang * 300 trang; Dịch từ A-V: 120.000đ/trang * 300 trang; Phô tô, in ấn tài liệu: 40.000.000
8			Dự phòng	914,00	
			Tổng cộng	5.675,00	

X. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI DỰ ÁN

Cơ chế tài chính trong nước đối với Dự án được thực hiện theo Quyết định Quyết định số 727/QĐ-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục Dự án HTKT chuẩn bị Dự án ADB8, cụ thể như sau:

1. Đối với vốn ODA, vốn viện trợ không hoàn lại:

Vốn ODA là 1,05 triệu USD, tương đương 23,825 tỷ VNĐ được cấp phát 100% cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đối với vốn đối ứng:

Vốn đối ứng cho Dự án HTKT là 0,25 triệu USD, tương đương 5,675 tỷ đồng được bố trí bằng tiền và hiện vật để chi phí cho các hạng mục: Văn phòng dự án, lương, phụ cấp, công tác phí, chi phí đi lại, dữ liệu, dịch thuật, quản trị và thư ký, thông tin liên lạc... Nguồn vốn bố trí từ nguồn hành chính sự nghiệp được cấp cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.